

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước.  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO.

Mã chứng khoán: LMI

Trụ sở chính: KM 23, QL 51, Ấp 1, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 02513 569 439 ; Fax: 02513 569 437

Email: lama@lamaidico.com.vn ; Website: www.lamaidico.com.vn

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Ngô Ngọc Quỳnh Như

Điện thoại: 02513 569 439 ; Fax: 02513 569 437

ĐT Di động: 0934 188 909

Loại thông tin công bố:  24h;  72h;  Yêu cầu;  Bất thường;  Định kỳ.

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo Tài chính năm 2023

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty với đường dẫn: <http://www.lamaidico.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**\* Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính năm 2023
- Văn bản giải trình số: 175/CT-TCKT, ngày 30/03/2024
- Văn bản số: 176/CBTT-CT, ngày 30/03/2024

Trân trọng!  
NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Ngô Ngọc Quỳnh Như

Số: 176 /CBTT - CT

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: **LMI**
- Địa chỉ: KM23, Quốc lộ 51, Ấp 1, Long An, Long Thành, Đồng Nai.
- Điện thoại liên hệ: 0934 188 909
- Email: [lama@lamaidico.com.vn](mailto:lama@lamaidico.com.vn) ; Website: lamaidico.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2023
  - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
  - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
  - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày: 30/03/2023 tại đường dẫn: <http://www.lamaidico.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC năm 2023

- Văn bản giải trình số: 175/CT-TCKT, ngày 30/03/2024

Trân trọng!  
NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Ngô Ngọc Quỳnh Như

Số: 175 /CT-TCKT

Đồng Nai, ngày 30 tháng 3 năm 2024

V/v Giải trình biến động Lợi nhuận sau thuế  
TNDN so với cùng kỳ năm trước

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO (LAMA IDICO) xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm hỗ trợ của Quý Cơ quan trong thời gian qua.

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Báo cáo tài chính riêng của LAMA IDICO năm 2022; Năm 2023 đã được kiểm toán,

**LAMA IDICO xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như sau:**

Stt	Chỉ tiêu	Số liệu trên BCTC riêng 2022	Số liệu trên BCTC riêng 2023	Chênh lệch (đồng)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
1	Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	3,482,548,490	5,450,836,021	1,968,287,531	56.5

**\*Nguyên nhân chênh lệch tăng:**

Do trong năm 2023 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng; Đồng thời, trong năm 2023 Công ty tiếp cận được giá nguyên vật liệu đầu vào tốt hơn.

Trên đây là giải trình của LAMA IDICO về biến động lợi nhuận sau thuế TNDN tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước.

Rất mong được sự quan tâm chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**\*Nơi nhận:**  
- Như trên; *Thêm*  
- Websise LAMA IDICO;  
- Lưu: VPTH, TCKT.

Trân trọng!  
**LAMA IDICO**



Giám Đốc  
*Nguyễn Cao Hà*

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 38
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 38

11110  
ÔNG  
NHIỆM  
KIỂM  
AS  
KIỂM

360  
C  
C  
A  
K

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600975839 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 13 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 05 vào ngày 04 tháng 08 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km23, Quốc lộ 51, Ấp 1, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thùy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Vinh	Thành viên
Bà Vũ Thị Hiền	Thành viên
Ông Mai Quốc Chinh	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Cao Hà	Giám đốc	
Ông Nguyễn Khánh Duy	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm từ 01/04/2023
Ông Nguyễn Đăng Hưng	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Đồng	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm từ 21/03/2023
Ông Nguyễn Văn Vinh	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm từ 27/09/2023
Bà Vũ Thị Hiền	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Bà Trần Thị Ngọc Loan	Trưởng ban
Bà Phạm Minh Hải	Thành viên
Bà Hàn Thị Hằng	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

## Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO

Km23, Quốc lộ 51, Ấp 1, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Cao Hà

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2024



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO được lập ngày 30 tháng 03 năm 2024, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2434-2023-002-1  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Phạm Văn Sang  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 3864-2020-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>237.152.948.904</b>	<b>226.527.878.457</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	59.345.024.756	2.666.980.970
111	1. Tiền		845.024.756	2.666.980.970
112	2. Các khoản tương đương tiền		58.500.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	22.154.223.500	46.054.223.500
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		22.154.223.500	46.054.223.500
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		39.360.318.146	129.564.164.729
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	33.836.685.521	128.863.616.776
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	7.984.266.252	220.973.600
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	2.748.555.231	1.539.312.628
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.209.188.858)	(1.059.738.275)
140	IV. Hàng tồn kho	09	106.357.180.998	40.816.434.780
141	1. Hàng tồn kho		106.357.180.998	40.816.434.780
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9.936.201.504	7.426.074.478
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		9.936.201.504	7.426.074.478
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>61.982.139.214</b>	<b>73.139.880.153</b>
220	II. Tài sản cố định		44.183.556.065	50.501.221.624
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	44.183.556.065	50.501.221.624
222	- Nguyên giá		143.912.943.717	144.796.199.769
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(99.729.387.652)	(94.294.978.145)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		386.750.000	386.750.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(386.750.000)	(386.750.000)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	11.270.000.000	14.500.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	11.500.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		9.800.000.000	3.000.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.470.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.528.583.149	8.138.658.529
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	6.528.583.149	8.138.658.529
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>299.135.088.118</b>	<b>299.667.758.610</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>211.229.511.250</b>	<b>213.730.469.273</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>211.229.511.250</b>	<b>208.850.043.253</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	82.259.300.672	41.692.047.847
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	9.062.510.677
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.864.359.966	590.462.940
314	4. Phải trả người lao động		5.050.016.699	5.470.557.950
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	97.969.813	7.555.647.087
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	4.059.173.073	14.626.893.110
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	114.593.612.108	127.147.763.213
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.305.078.919	2.704.160.429
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	<b>4.880.426.020</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	-	4.880.426.020
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>87.905.576.868</b>	<b>85.937.289.337</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	18	<b>87.905.576.868</b>	<b>85.937.289.337</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		55.000.000.000	55.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		55.000.000.000	55.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		27.454.740.847	27.454.740.847
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.450.836.021	3.482.548.490
421b	LNST chưa phân phối năm nay		5.450.836.021	3.482.548.490
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>299.135.088.118</b>	<b>299.667.758.610</b>

Trần Văn Ngọc  
Người lập

Vũ Thị Hiền  
Kế toán trưởng

Nguyễn Cao Hà  
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	251.204.507.689	225.800.100.234
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		251.204.507.689	225.800.100.234
11	4. Giá vốn hàng bán	21	217.752.815.155	204.872.713.727
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		33.451.692.534	20.927.386.507
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	5.855.703.935	4.631.235.441
22	7. Chi phí tài chính	23	12.285.431.891	9.410.221.035
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		10.061.220.434	9.025.146.331
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	19.420.015.746	12.595.013.242
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.601.948.832	3.553.387.671
31	11. Thu nhập khác	25	1.312.823.051	227.119.360
32	12. Chi phí khác	26	579.902.879	24.300
40	13. Lợi nhuận khác		732.920.172	227.095.060
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.334.869.004	3.780.482.731
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	2.884.032.983	297.934.241
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>5.450.836.021</u>	<u>3.482.548.490</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	892	500

Trần Văn Ngọc  
Người lập

Vũ Thị Hiền  
Kế toán trưởng

Nguyễn Cao Hà  
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2024

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		8.334.869.004	3.780.482.731
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		6.878.375.559	7.881.647.710
03	- Các khoản dự phòng		4.149.450.583	493.304.018
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		185.350.381	(836.838.246)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.960.221.776)	(3.417.223.591)
06	- Chi phí lãi vay		10.061.220.434	9.025.146.331
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		27.649.044.185	16.926.518.953
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		84.125.725.974	(37.326.398.359)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(65.540.746.218)	18.708.636.356
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		17.161.361.737	15.574.560.959
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.610.075.380	2.168.287.078
14	- Tiền lãi vay đã trả		(10.061.220.434)	(6.825.146.331)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.449.603.108)	(345.860.139)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(131.630.000)	(1.551.426.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		53.363.007.516	7.329.172.517
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(560.710.000)	(1.462.617.924)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		109.090.909	27.272.727
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(100.000.000)	(4.482.873.500)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		24.000.000.000	2.000.000.000
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.230.000.000	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.084.354.622	3.396.651.562
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		27.762.735.531	(521.567.135)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		276.505.733.645	175.882.887.587
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(293.940.310.770)	(185.203.237.515)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.013.091.000)	(1.419.137.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(24.447.668.125)	(10.739.487.128)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*Năm 2023*  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		56.678.074.922	(3.931.881.746)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.666.980.970	5.762.024.470
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(31.136)	836.838.246
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>59.345.024.756</u>	<u>2.666.980.970</u>

Trần Văn Ngọc  
Người lập

Vũ Thị Hiền  
Kế toán trưởng



Nguyễn Cao Hà  
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2024

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600975839 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 13 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 05 vào ngày 04 tháng 08 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km23, Quốc lộ 51, Ấp 1, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 55.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 55.000.000.000 đồng; tương đương 5.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 214 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 241 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, gia công kết cấu thép.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí: Lắp đặt hệ thống cung cấp điện, nước cho các công trình;
- Sản xuất thùng; bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại: Gia công, lắp đặt các bể chứa có dung tích lớn vừa và nhỏ, các bình, bồn áp lực cho các dây chuyền công nghệ;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại: Sản xuất, lắp dựng kết cấu thép, khung nhà công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất nồi hơi (Trừ nồi hơi trung tâm): Gia công, lắp đặt lò hơi trung, cao áp;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng, lắp đặt đường dây, trạm biến áp và trạm phân phối điện đến 500KV, gia công lắp đặt thiết bị công nghệ cho các công trình xử lý nước thải;
- Gia công lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp: Gia công lắp đặt các thiết bị phi tiêu chuẩn. Lắp đặt thiết bị, máy móc và dây chuyền công nghệ. Gia công lắp đặt cầu trục, thiết bị nâng cho các nhà máy, sản công nghiệp, cảng biển và sông;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Gia công lắp đặt thiết bị cho các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, xi măng, công nghệ giấy, dầu khí;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

## 2.4 . Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính



## 2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## 2.6 . Các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Đối với hoạt động xây lắp: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- Đối với hoạt động sản xuất: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 06	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10	năm
- Phần mềm quản lý	05	năm

## 2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

## 2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## 2.14 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

## 2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## 2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí đã phát sinh chưa tập hợp đầy đủ chứng từ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

### *Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.19 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hoạt động gia công, xây lắp nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chỉ trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán được phê duyệt, đã phát sinh thực tế nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán.

## 2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

## 2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

## 2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.24 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . CÁC KHOẢN TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	95.381.218	104.832.727
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	749.643.538	2.562.148.243
Các khoản tương đương tiền <sup>(*)</sup>	58.500.000.000	-
	<u>59.345.024.756</u>	<u>2.666.980.970</u>

(\*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 58.500.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai với lãi suất từ 2,3%/năm đến 3,2%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(*)</sup>	22.154.223.500	-	46.054.223.500	-
	<u>22.154.223.500</u>	<u>-</u>	<u>46.054.223.500</u>	<u>-</u>

(\*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng với tổng số tiền 22.154.223.500 VND được gửi tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần với lãi suất từ 4,6%/năm đến 6%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai số tiền 100.000.000 VND đang được dùng thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng này. Toàn bộ khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch số tiền 21.571.350.000 VND được dùng thế chấp cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng này.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	-	-	11.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO <sup>(1)</sup>	-	-	11.500.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	9.800.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO <sup>(1)</sup>	9.800.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Năng lượng Lama IDICO <sup>(2)</sup>	-	-	3.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	1.470.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Năng lượng Lama IDICO <sup>(2)</sup>	1.470.000.000	-	-	-
	<b>11.270.000.000</b>	-	<b>14.500.000.000</b>	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO**

Km23, Quốc lộ 51, Ấp 1, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(1) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 65/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc thoái 8,5% vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO với tổng giá trị thoái vốn là 1.700.000.000 VND, tương đương 170.000 cổ phần. Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua giao dịch chuyển nhượng phần vốn này cho ông Nguyễn Khánh Duy tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 94/NQ-HĐQT ngày 06/09/2023 với giá chào bán bằng mệnh giá. Sau khi chuyển nhượng, Công ty nắm giữ 49% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO.

(2) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 58/NQ-HĐQT ngày 17/04/2023, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc thoái toàn bộ vốn của Công ty tại Công ty TNHH Năng lượng Lama IDICO. Ngày 26/06/2023, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng một phần vốn góp tại Công ty TNHH Năng lượng Lama IDICO với tổng giá trị chuyển nhượng bằng với giá trị ghi sổ khoản vốn góp. Tổng giá trị chuyển nhượng theo hợp đồng này là 1.530.000.000 VND. Sau khi chuyển nhượng, Công ty nắm giữ 11,44% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Năng lượng Lama IDICO.

**Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư tại ngày 31/12/2023:**

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO	Tỉnh Đồng Nai	49,00%	49,00%	Kinh doanh thương mại vật tư xây lắp
<b>Đơn vị khác</b>				
Công ty TNHH Năng lượng Lama IDICO	Tỉnh Đồng Nai	11,44%	11,44%	Năng lượng tái tạo



**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Bên liên quan</b>				
Tổng Công ty IDICO - CTCP	1.503.408.204	(501.422.999)	2.693.001.573	(501.422.999)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 10 IDICO	-	-	962.760.776	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO	1.503.408.204	(501.422.999)	1.571.409.998	(501.422.999)
Công ty TNHH Năng lượng Lama IDICO	-	-	38.879.999	-
	-	-	119.950.800	-
<b>Bên khác</b>				
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý dự án Dầu khí PVE	32.333.277.317	(4.707.765.859)	126.170.615.203	(558.315.276)
Công ty TNHH Diệp Phi Long	10.660.243.403	(3.198.073.021)	10.660.243.403	-
Công ty TNHH Danteli	-	-	13.522.250.003	-
Công ty Cổ phần LILAMA 45.3	3.795.966.708	-	84.599.523.338	-
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	4.880.870.985	-	4.880.870.985	-
Phải thu khách hàng khác	7.400.116.757	-	2.565.995.900	-
	5.596.079.464	(1.509.692.838)	9.941.731.574	(558.315.276)
	<b>33.836.685.521</b>	<b>(5.209.188.858)</b>	<b>128.863.616.776</b>	<b>(1.059.738.275)</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Bên khác</b>				
Công ty TNHH MTV Dương Tuấn Tú	7.958.692.652	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	25.573.600	-	220.973.600	-
	<b>7.984.266.252</b>	<b>-</b>	<b>220.973.600</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	663.474.051	-	484.697.806	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	16.270.537	-	-	-
Tạm ứng	1.315.710.643	-	714.103.643	-
Phải thu về cổ tức được chia	588.000.000	-	-	-
Phải thu khác	165.100.000	-	340.511.179	-
	<b>2.748.555.231</b>	<b>-</b>	<b>1.539.312.628</b>	<b>-</b>

**8 . NỢ XẤU**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>				
- Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý dự án Dầu khí PVE	10.660.243.403	7.462.170.382	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 10 IDICO	1.503.408.204	1.001.985.205	1.571.409.998	1.069.986.999
- Các khoản khác	2.139.366.380	629.673.542	880.019.294	321.704.018
	<b>14.303.017.987</b>	<b>9.093.829.129</b>	<b>2.451.429.292</b>	<b>1.391.691.017</b>

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.347.470.923	-	10.781.287.776	-
Công cụ, dụng cụ	334.417.146	-	319.415.548	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	94.675.292.929	-	29.715.731.456	-
	<b>106.357.180.998</b>	<b>-</b>	<b>40.816.434.780</b>	<b>-</b>

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	59.358.754.633	64.997.317.829	20.050.738.034	230.789.273	158.600.000	144.796.199.769
- Mua trong năm	-	390.000.000	-	170.710.000	-	560.710.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.443.966.052)	-	-	(1.443.966.052)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>59.358.754.633</b>	<b>65.387.317.829</b>	<b>18.606.771.982</b>	<b>401.499.273</b>	<b>158.600.000</b>	<b>143.912.943.717</b>
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	24.685.232.977	53.999.280.071	15.352.911.974	160.070.873	97.482.250	94.294.978.145
- Khấu hao trong năm	3.104.054.038	2.475.439.652	1.208.461.212	37.553.989	52.866.668	6.878.375.559
- Phân loại lại	(6.107.044)	(8.324.383)	14.221.207	210.220	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.443.966.052)	-	-	(1.443.966.052)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>27.783.179.971</b>	<b>56.466.395.340</b>	<b>15.131.628.341</b>	<b>197.835.082</b>	<b>150.348.918</b>	<b>99.729.387.652</b>
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	34.673.521.656	10.998.037.758	4.697.826.060	70.718.400	61.117.750	50.501.221.624
Tại ngày cuối năm	<b>31.575.574.662</b>	<b>8.920.922.489</b>	<b>3.475.143.641</b>	<b>203.664.191</b>	<b>8.251.082</b>	<b>44.183.556.065</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 32.480.214.662 VND.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 61.548.852.374 VND.

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý với nguyên giá và khấu hao lũy kế tại thời điểm 31/12/2023 là 386.750.000 VND.

**Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO**

Km23, Quốc lộ 51, Ấp 1, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	233.622.286	1.653.524.910
- Tiền thuê đất Văn phòng làm việc	6.342.341.686	6.485.133.619
	<b>6.575.963.972</b>	<b>8.138.658.529</b>

**13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO	10.662.212.112	10.662.212.112	15.275.531.400	15.275.531.400
Công ty TNHH Năng lượng Lama IDICO	10.452.362.363	10.452.362.363	15.029.225.008	15.029.225.008
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	122.229.648	122.229.648	99.567.851	99.567.851
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp IDICO	84.562.739	84.562.739	143.025.514	143.025.514
	3.057.362	3.057.362	3.713.027	3.713.027
<b>Bên khác</b>				
Công ty TNHH Duy Luân	71.597.088.560	71.597.088.560	26.416.516.447	26.416.516.447
WEI SHENG STEEL CO.,LTD	-	-	5.086.229.653	5.086.229.653
Công ty TNHH MTV Dương Tuấn Tú	20.258.360.233	20.258.360.233	-	-
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất TVS	10.521.547.446	10.521.547.446	-	-
Phải trả các đối tượng khác	9.217.998.762	9.217.998.762	-	-
	31.599.182.119	31.599.182.119	21.330.286.794	21.330.286.794
	<b>82.259.300.672</b>	<b>82.259.300.672</b>	<b>41.692.047.847</b>	<b>41.692.047.847</b>

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	371.825.851	371.825.851	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	297.934.241	2.884.032.983	1.449.603.108	-	1.732.364.116
Thuế Thu nhập cá nhân	-	292.528.699	362.829.006	523.361.855	-	131.995.850
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	<b>590.462.940</b>	<b>3.621.687.840</b>	<b>2.347.790.814</b>	-	<b>1.864.359.966</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán, công trình đã nghiệm thu khối lượng		
+ Gia công hàng xuất khẩu cho Công ty TNHH Danieli	97.969.813	7.555.647.087
	<b>97.969.813</b>	<b>7.555.647.087</b>

**16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
<b>a.1) Chi tiết theo nội dung</b>		
Kinh phí công đoàn	1.365.239.121	1.517.868.121
Bảo hiểm y tế	86.588.428	113.518.846
Bảo hiểm thất nghiệp	40.014.751	48.901.800
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	491.750.000	4.754.841.000
Vật tư công trình mượn tạm	1.252.412.598	1.252.412.598
Phải trả về mượn vốn kinh doanh	200.000.000	6.700.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	623.168.175	239.350.745
	<b>4.059.173.073</b>	<b>14.626.893.110</b>
<b>a.2) Chi tiết theo đối tượng</b>		
Mượn vật tư Công ty Cổ phần LILAMA 45.3	1.252.412.598	1.252.412.598
Mượn tiền Ông Thái Hữu Hùng	-	4.500.000.000
Các đối tượng khác	2.806.760.475	8.874.480.512
	<b>4.059.173.073</b>	<b>14.626.893.110</b>

**17 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2023		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>				
Vay ngân hàng	122.530.499.851	122.530.499.851	276.505.733.645	289.446.047.408
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đăng Nai <sup>(1)</sup>	86.756.132.692	86.756.132.692	188.165.012.014	210.161.081.875
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch <sup>(2)</sup>	35.774.367.159	35.774.367.159	88.340.721.631	79.284.965.533
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>				
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đăng Nai <sup>(3)</sup>	4.617.263.362	4.617.263.362	4.871.426.020	4.485.263.362
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch <sup>(4)</sup>	2.988.263.362	2.988.263.362	3.109.039.838	2.988.263.362
<b>Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng</b>				
	127.147.763.213	127.147.763.213	281.377.159.665	293.931.310.770
<b>Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng</b>				
	5.199.152.291	5.199.152.291	-	2.997.263.362
<b>Tổng cộng</b>	<b>127.147.763.213</b>	<b>127.147.763.213</b>	<b>281.377.159.665</b>	<b>293.931.310.770</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>				
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đăng Nai <sup>(3)</sup>	5.199.152.291	5.199.152.291	-	2.997.263.362
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch <sup>(4)</sup>	4.298.537.091	4.298.537.091	-	1.497.000.000
<b>Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng</b>				
	9.497.689.382	9.497.689.382	-	4.494.263.362
<b>Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng</b>				
	(4.617.263.362)	(4.617.263.362)	(4.871.426.020)	(4.485.263.362)
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.880.426.020</b>	<b>4.880.426.020</b>	<b>4.880.426.020</b>	<b>4.880.426.020</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>114.593.612.108</b>	<b>114.593.612.108</b>	<b>114.593.612.108</b>	<b>114.593.612.108</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/2184159/HĐTD ngày 21/08/2023, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 155.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương;
  - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, trong đó: Hạn mức vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C là 125.000.000.000 VND; Hạn mức cấp bảo lãnh (trừ bảo lãnh thanh toán) là 30.000.000.000 VND;
  - Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức;
  - Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ;
  - Các hình thức đảm bảo tiền vay:
    - + Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do BIDV phát hành số FDR 6711001745226 ngày 17/07/2023;
    - + Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 821758, số vào cấp sổ GCN: CT 53141, thửa số 88, tờ bản đồ số 22 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21/05/2020. Địa chỉ: Xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;
    - + Tài sản gắn liền với đất tại thửa số 59, tờ bản đồ số 41 the Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 387004, số vào sổ cấp GCN: CT 71248 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02/22/2022. Địa chỉ: xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;
    - + Xe ô tô Lexus RX350, biển số 60A-177.68; Xe ô tô khách hiệu Hyundai E-County 2-2, biển số 60B-023.99; Xe ô tô Hyundai biển số 60C-197.36;
    - + Thẻ chấp hàng tồn kho, khoản phải thu hình thành từ nguồn vốn cấp tín dụng của Ngân hàng BIDV;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là: 64.760.062.831 VND.
- (2) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2022033-CRC/HĐCV-HM ngày 12/09/2022, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 VND;
  - Mục đích vay: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp lý, hợp lệ phục vụ sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư TSCĐ;
  - Thời hạn cho vay: Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 12/12/2023;
  - Lãi suất cho vay: điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng, phù hợp với chính sách lãi suất cho vay của VCB trong từng thời kỳ;
  - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Một phần đảm bảo bằng Tài sản là tiền gửi VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch (giá trị tối thiểu bằng 50% dư nợ vay) và một phần cho vay tín chấp;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là: 44.830.123.257 VND.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

- (3) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2018/2184159/HĐTD ngày 22/10/2018, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 17.000.000.000 VND;
  - Mục đích vay: Xây dựng nhà Văn phòng làm việc tại xã Long An, Long Thành Đồng Nai;
  - Thời hạn của hợp đồng: 84 tháng;
  - Lãi suất cho vay: 10%/ năm đến 31/12/2019 sau đó được điều chỉnh 6 tháng/ lần theo thông báo của Ngân hàng;
  - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành trong tương lai và toàn bộ tài sản của Công ty hiện đang thế chấp;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 2.201.888.929 VND và số nợ gốc phải trả trong năm tới là 2.201.888.929 VND.



(4) Số dư tại ngày 31/12/2023 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch bao gồm các hợp đồng tín dụng sau:

(4.1) Hợp đồng cho vay số 2020010-CRC/HDTD-TDH ngày 12/06/2020, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 3.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến phương án đầu tư Máy cắt laser sợi quang Model HLE-2060 phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng;
- Thời hạn của hợp đồng: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay: theo thông báo của VCB tại thời điểm giải ngân;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành trong tương lai;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 865.000.000 VND và số nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 492.000.000 VND.

(4.2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2020010-HBTD-TDH-02 ngày 05/10/2020, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 6.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Mua sắm máy móc thiết bị cho nhà xưởng LAMA IDICO;
- Thời hạn của hợp đồng: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay: 8.8%/ năm đến 04/11/2023 sau đó được điều chỉnh 3 tháng/ lần theo thông báo của Ngân hàng;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành trong tương lai;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2023 là 1.936.537.091 VND và số nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 1.128.000.000 VND.

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	55.000.000.000	30.371.764.226	1.614.858.969	86.986.623.195
Lãi trong năm trước	-	-	3.482.548.490	3.482.548.490
Điều chuyển Quý đầu tư phát triển về Lợi nhuận sau thuế để trả cổ tức	-	(2.917.023.379)	2.917.023.379	-
Chia cổ tức	-	-	(4.400.000.000)	(4.400.000.000)
Trích quỹ khen thưởng từ lợi nhuận sau thuế năm 2021	-	-	(131.882.348)	(131.882.348)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>27.454.740.847</b>	<b>3.482.548.490</b>	<b>85.937.289.337</b>
Số dư đầu năm nay	55.000.000.000	27.454.740.847	3.482.548.490	85.937.289.337
Lãi trong năm nay	-	-	5.450.836.021	5.450.836.021
Chia cổ tức năm 2022 <sup>(*)</sup>	-	-	(2.750.000.000)	(2.750.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, quỹ khen thưởng ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 <sup>(*)</sup>	-	-	(732.548.490)	(732.548.490)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>27.454.740.847</b>	<b>5.450.836.021</b>	<b>87.905.576.868</b>

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 47/NQ-DHĐCĐ ngày 26/04/2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100,00	3.482.548.490
Trích quỹ khen thưởng, quỹ khen thưởng ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế năm 2022	21,03	732.548.490
Chi trả cổ tức	78,97	2.750.000.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Nguyễn Cao Hà	22,79	12.534.000.000	22,79	12.534.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy	7,33	4.030.600.000	7,33	4.030.600.000
Tổng Công ty IDICO - CTCP	20,13	11.068.910.000	20,13	11.068.910.000
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp IDICO	5,19	2.856.650.000	5,19	2.856.650.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	4,81	2.644.240.000	4,81	2.644.240.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	0,00	-	4,36	2.400.000.000
Cổ đông khác	39,76	21.865.600.000	35,39	19.465.600.000
	<b>100</b>	<b>55.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>55.000.000.000</b>

c) Các giao dịch về phân phối cổ tức

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	4.754.841.000	1.773.978.200
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	2.750.000.000	4.400.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(7.013.091.000)	(1.419.137.200)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<b>491.750.000</b>	<b>4.754.841.000</b>

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	27.454.740.847	27.454.740.847
	<b>27.454.740.847</b>	<b>27.454.740.847</b>

**19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai để sử dụng với mục đích làm xưởng sản xuất từ năm 2008 đến năm 2058. Diện tích khu đất thuê là 33.090 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hợp đồng.

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai để sử dụng với mục đích làm nhà văn phòng từ năm 2018 đến năm 2068. Diện tích khu đất thuê là 892,4 m<sup>2</sup> Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất 1 lần cho toàn bộ thời gian thuê theo quy định hợp đồng.

**b) Tài sản nhận giữ hộ**

Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công là các chi tiết, vật tư gia công kết cấu thép.

**c) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2023	01/01/2023
Đồng đô la Mỹ (USD)	1.665,92	862,64
Đồng Euro (EUR)	170,11	866,01

**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng hóa, sắt thép phế liệu	10.065.678.014	430.109.743
Doanh thu hoạt động xây lắp	241.138.829.675	225.369.990.491
	<u>251.204.507.689</u>	<u>225.800.100.234</u>
<b>Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34)</i>	<u>510.995.355</u>	<u>154.137.636</u>

**21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	7.524.156.776	281.874.575
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	210.228.658.379	204.590.839.152
	<u>217.752.815.155</u>	<u>204.872.713.727</u>

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.233.130.867	2.220.742.531
Cổ tức, lợi nhuận được chia	618.000.000	1.180.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.004.573.068	393.654.664
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	836.838.246
	<b>5.855.703.935</b>	<b>4.631.235.441</b>
<b>Trong đó: Nhận từ các bên liên quan</b>	<b>30.000.000</b>	<b>1.180.000.000</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34)</i>		

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	10.061.220.434	9.025.146.331
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.038.861.076	385.074.704
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	185.350.381	-
	<b>12.285.431.891</b>	<b>9.410.221.035</b>

**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	577.379.355	317.432.587
Chi phí nhân công	9.743.559.183	8.361.159.771
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.207.702.273	1.187.827.884
Chi phí dự phòng	4.149.450.583	493.304.018
Thuế, phí, và lệ phí	866.663.231	397.734.403
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.744.336.596	518.869.558
Chi phí khác bằng tiền	1.130.924.525	1.318.685.021
	<b>19.420.015.746</b>	<b>12.595.013.242</b>

**25 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	109.090.909	16.481.060
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng, máy móc thiết bị	680.961.257	183.836.845
Hoàn nhập chi phí trích trước hoạt động xây lắp	521.922.958	8.988.319
Thu nhập khác	847.927	17.813.136
	<b>1.312.823.051</b>	<b>227.119.360</b>
<b>Trong đó: Thu nhập từ các bên liên quan</b>	<b>174.721.257</b>	<b>166.643.845</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34)</i>		

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt hành chính	436.714.993	-
Các khoản bị phạt vi phạm hợp đồng	140.122.063	-
Chi phí khác	3.065.823	24.300
	<b>579.902.879</b>	<b>24.300</b>

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	8.334.869.004	3.780.482.731
Các khoản điều chỉnh tăng	2.455.280.373	183.024.300
- Chi phí không hợp lệ	436.714.993	24.300
- Chi phí lãi vay không được trừ theo quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP	1.835.565.380	-
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không tham gia trực tiếp điều hành	183.000.000	183.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(618.000.000)	(2.473.835.824)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(618.000.000)	(1.180.000.000)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm nay	-	(836.838.246)
- Lỗ CLTG chưa thực hiện năm trước năm nay đã thực hiện	-	(456.997.578)
Thu nhập chịu thuế TNDN	10.172.149.377	1.489.671.207
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>2.034.429.875</b>	<b>297.934.241</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	849.603.108	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	297.934.241	345.860.139
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1.449.603.108)	(345.860.139)
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>1.732.364.116</b>	<b>297.934.241</b>

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	5.450.836.021	3.482.548.490
Các khoản điều chỉnh	(545.083.602)	(732.548.490)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(545.083.602)	(732.548.490)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.905.752.419	2.750.000.000
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.500.000	5.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>892</b>	<b>500</b>

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 64/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023, Công ty dự kiến trích Quỹ khen thưởng từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 với tỷ lệ dự kiến trích là 10%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

## 29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	199.983.955.959	110.268.127.737
Chi phí nhân công	34.191.560.093	53.474.051.985
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.878.375.559	7.881.647.710
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.249.951.353	23.312.346.133
Chi phí khác bằng tiền	3.260.077.634	2.917.517.422
	<u>294.563.920.598</u>	<u>197.853.690.987</u>

## 30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

### Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị...

#### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.249.643.538	-	-	59.249.643.538
Phải thu khách hàng, phải thu khác	31.376.051.894	-	-	31.376.051.894
Các khoản cho vay	22.154.223.500	-	-	22.154.223.500
	<b>112.779.918.932</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>112.779.918.932</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.562.148.243	-	-	2.562.148.243
Phải thu khách hàng, phải thu khác	129.343.191.129	-	-	129.343.191.129
Các khoản cho vay	46.054.223.500	-	-	46.054.223.500
	<b>177.959.562.872</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>177.959.562.872</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>				
Vay và nợ	114.593.612.108	-	-	114.593.612.108
Phải trả người bán, phải trả khác	86.318.473.745	-	-	86.318.473.745
Chi phí phải trả	97.969.813	-	-	97.969.813
	<b>201.010.055.666</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>201.010.055.666</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Vay và nợ	127.147.763.213	4.880.426.020	-	132.028.189.233
Phải trả người bán, phải trả khác	56.318.940.957	-	-	56.318.940.957
Chi phí phải trả	7.555.647.087	-	-	7.555.647.087
	<b>191.022.351.257</b>	<b>4.880.426.020</b>	<b>-</b>	<b>195.902.777.277</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



**31 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	276.505.733.645	175.882.887.587
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	293.940.310.770	185.203.237.515

**32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo khu vực địa lý	Nội địa	Xuất khẩu	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.251.666.360	206.952.841.329	251.204.507.689
Tài sản bộ phận	295.339.121.410	3.795.966.708	299.135.088.118
Tổng chi phí mua TSCĐ	560.710.000	-	560.710.000

**34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	Cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	Cùng Tổng Công ty
Tổng Công ty IDICO - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO	Công ty con đến ngày 28/09/2023, trở thành công ty liên kết từ ngày 29/09/2023
Công ty TNHH Năng lượng Lama IDICO	Công ty liên kết đến ngày 26/06/2023
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 10 IDICO	Cùng Tổng Công ty
Ông Nguyễn Khánh Duy	Phó Giám đốc Công ty từ ngày 01/04/2023

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	510.995.355	154.137.636
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO	510.995.355	154.137.636

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Mua hàng hóa, vật tư</b>	<b>35.911.958.106</b>	<b>39.092.106.276</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO	34.232.081.516	37.643.152.307
Công ty TNHH Năng lượng LAMA IDICO	138.304.800	39.364.656
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	919.338.169	809.880.546
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	622.233.621	599.708.767
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>30.000.000</b>	<b>1.180.000.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO	-	1.150.000.000
Công ty TNHH Năng lượng LAMA IDICO	30.000.000	30.000.000
<b>Thu nhập khác</b>	<b>174.721.257</b>	<b>166.643.845</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO	168.001.257	151.033.845
Công ty TNHH Năng lượng LAMA IDICO	6.720.000	15.610.000
<b>Chuyển nhượng vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Lama IDICO</b>	<b>1.700.000.000</b>	-
Ông Nguyễn Khánh Duy	1.700.000.000	-
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:		
Chức vụ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Thu nhập, thù lao của người quản lý chủ chốt</b>	<b>2.227.491.000</b>	<b>1.791.416.000</b>
Bà Nguyễn Thị Thủy      Chủ tịch HĐQT	60.000.000	105.000.000
Ông Nguyễn Cao Hà      Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	465.626.000	483.370.000
Ông Nguyễn Văn Vinh      Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc	251.064.000	419.666.000
Bà Vũ Thị Hiền      Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	301.525.000	271.360.000
Ông Mai Quốc Chính      Thành viên HĐQT	36.000.000	15.000.000
Ông Trần Thiện Thành      Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2022)	-	12.000.000
Ông Nguyễn Quang Đồng      Phó Giám đốc( Miễn nhiệm TV HĐQT và Phó Giám đốc ngày 21/3/2023	-	194.246.000
Ông Nguyễn Đăng Hưng      Phó Giám đốc (Bỏ nhiệm từ ngày 21/06/2022)	374.254.000	137.420.000
Ông Nguyễn Khánh Duy      Phó Giám đốc (Bỏ nhiệm từ ngày 01/04/2023)	278.587.000	
Ông Nguyễn Tiến Hồng      Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 13/04/2022)	-	69.354.000
Bà Trần Thị Ngọc Loan      Trưởng ban kiểm soát	36.000.000	36.000.000
Ông Phạm Minh Hải      Thành viên BKS	246.331.000	24.000.000
Bà Hàn Thị Hằng      Thành viên BKS	178.104.000	24.000.000



35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Trần Văn Ngọc  
Người lập



Vũ Thị Hiền  
Kế toán trưởng



Nguyễn Cao Hà  
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2024

